TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:169/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đặng Thị P, sinh năm 1973, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1994, ông Nguyễn Thành Đ và bà Đặng Thị P có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới ông Đ và bà P chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim Mộng T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1995 (đã thành niên và có chồng sống riêng). Sau đó, ông, bà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nên ông, bà đã ly thân từ năm 1995 cho đến nay; ông, bà đã cố gắn gặp nhau để hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ lại nhưng không Đ.

Nay ông Nguyễn Thành Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên ông xin ly hôn với bà P.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim Mộng T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1995 (đã thành niên và có chồng sống riêng), nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã N đã triệu tập và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị P đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng bà P không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Thành Đ khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Thành Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đặng Thị P được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đặng Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] *Về hôn nhân:* Từ năm 1994 cho đến nay, ông Nguyễn Thành Đ và bà Đặng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thành Đ với bà Đặng Thị P.

[6] *Về nuôi con chung:* Nguyễn Thị Kim Mộng T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1995 (đã thành niên và có chồng sống riêng), không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] *Về án phí:* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; bà Đặng Thị P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thành Đ với bà Đặng Thị P.

Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:0005198 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; ông Nguyễn Thành Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Bà Đặng Thị P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 10 năm 2018); đối với bà Đặng Thị P có quyền làm

đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung